

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày 05-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lượng

Bà Khúc Thị Minh

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1990 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức A1 (đã chết) và bà Bùi Thị T3, sinh năm 1959; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/4/2023, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Tạ Văn T1 và ông Phạm Đức T2, Luật sư của Công ty Luật TNHH An Quốc thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 2, số nhà 42, ngõ 91 Đường T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Đức A1, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng (đã chết);

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Bùi Thị T3, sinh năm 1959 và chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T là người nghiện ma túy từ năm 2017. Sau khi sử dụng ma túy vào ngày 07/01/2023, T thường xuyên xuất hiện ảo giác. Trưa ngày 13/01/2023, khi đang ở nhà T bị ảo giác nên đi bộ sang nhà ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1975 ở thôn 5, xã T, huyện K, Hải Phòng (là chú ruột), dùng tay đánh ông H1, sau đó bỏ chạy về nhà rồi cởi hết quần áo và ngồi ở ngoài hiên. Thấy vậy, bà Bùi Thị T3, sinh năm 1959 (mẹ của T) đóng chốt cổng không để T đi ra ngoài. Lúc này, Công an xã T nhận được tin báo của quần chúng nhân dân nên đã đến trước cổng nhà bà T3, yêu cầu bà T3 mở cửa để giải quyết vụ việc nhưng bà T3 không mở. T định mở cổng đi ra ngoài; bị bà T3 can ngăn, kéo T quay lại. T chửi bới, dùng tay đấm bà T3 nhưng không trúng. Ông Nguyễn Đức A1, sinh năm 1958 (bố của T) vào can ngăn bị T đấm nhưng không trúng. Ông A1 dùng tay đánh về phía T nhưng bị T dùng tay đấm về phía mặt của ông A1. Bà T3 vào can ngăn, đẩy T ra bị T dùng chân đá vào người làm bà T3 ngã ngửa xuống nền sân. Tiếp đó, ông A1 vào can ngăn bị T dùng chân đá vào người của ông A1, dùng tay đấm trúng vào vùng mặt làm ông A1 ngã ngửa, đầu đập xuống nền sân lát gạch đá hoa gây chảy máu, nằm bất động. Ngay sau đó, lực lượng Công an xã T mở cổng và bắt giữ T. Ông A1 được đưa đi cấp cứu, đến ngày 14/01/2023 bị tử vong.

Cùng ngày 13/01/2023, Nguyễn Đức T được đưa đến Cơ sở cai nghiện ma T1y số 02 thành phố Hải Phòng để cai nghiện tự nguyện. Kết quả xét nghiệm, trong mẫu nước tiểu của T dương tính với ma T1y MET.

Kết luận giám định số 63/KL-KSHS(PY) ngày 19/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: các vết sưng nề, tụ máu, xây xước da trên nạn nhân Nguyễn Đức A1 có đặc điểm hình thành do vật tày tác động theo cơ chế va đập, cọ sát. Nạn nhân chết do xuất huyết, đung dập nhu mô não. Nồng độ cồn trong máu là 33mg/100ml; không tìm thấy các chất độc thường gặp, các chất kích thích và trấn áp thần kinh T ương.

Kết luận số 93/KLGĐ ngày 07/4/2023 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Đức T có Hội chứng nghiện chất gây ảo giác; theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F16.2; đối tượng có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Trong khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Đức T có biểu hiện rối loạn loạn thần do trực tiếp sử dụng chất gây ảo giác trên người có Hội chứng nghiện chất gây ảo giác. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F16.5/F16.2; đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định, Nguyễn Đức T có Hội chứng nghiện chất gây ảo giác, hiện đang cai nhưng trong môi trường được bảo vệ; theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F16.21; đối tượng có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSKT ngày 06 tháng 6 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Đức T khai mua ma túy tại khu vực cầu vượt L, Hải Phòng của một người không quen biết với giá 200.000 đồng sau đó về nhà sử dụng một mình. Cơ

quan điều tra chưa làm rõ được lai lịch của người bán ma túy cho T nên tách ra điều tra xử lý sau.

Nguyễn Đức T có hành vi đánh bà Bùi Thị T3, ông Nguyễn Đức H1 nhưng bà T3 và ông H1 không bị thương tích, không phải điều trị thương tích ở đâu và không có yêu cầu đề nghị gì nên không giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức T về tội danh “Cố ý gây thương tích” và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 08 đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2023.

Về dân sự: Đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Tạ Văn Văn T1 và luật sư Phạm Đức T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các nội dung sau:

+ Ông Tạ Văn T1 và ông Phạm Đức T2 đều không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng mà đại diện Viện kiểm sát đã kết luận tại phiên tòa;

+ Ông T1 và ông T2 thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; hai ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo hiện đang là lao động chính trong gia đình, mẹ già yếu bệnh tật không có người chăm sóc; bị cáo phạm tội trong khi mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo có bố và ông nội đều tham gia quân đội, ông nội bị cáo được tặng thưởng huy chương, bản thân bị cáo cũng có thời gian tham gia quân đội. Sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn và rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét xử bị cáo mức án thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa và thấp dưới khởi điểm của khung hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

- Ý kiến của bị cáo Nguyễn Đức T: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến của bà Bùi Thị T3 và chị Nguyễn Thị T4 là người đại diện hợp pháp cho bị hại: Không yêu cầu bị cáo bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa

cho bị cáo; đại diện hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 13/01/2023, tại thôn 5, xã T, huyện K, Nguyễn Đức T đã dùng tay, chân đánh vào người, mặt của ông Nguyễn Đức A1 là bố đẻ của bị cáo làm ông A1 ngã ngửa, đập đầu xuống nền sân lát gạch đá hoa gây thương tích; đến ngày 14/01/2023 ông A1 tử vong. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, mặc dù tại thời điểm phạm tội bị cáo mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng đây là tình trạng do bị cáo sử dụng chất ma túy gây ra. Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T có hành vi dùng tay chân đánh gây thương tích dẫn đến việc ông Nguyễn Đức A1 bị chết nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức T không vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đại diện gia đình bị hại không có yêu cầu, đề nghị nào khác đồng thời có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có thời gian tham gia quân đội, ông nội và bố bị cáo tham gia quân đội, ông nội bị cáo được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét để giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đức T khi lượng hình.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, mà bị hại ở đây lại là bố đẻ của bị cáo; hành vi phạm tội của bị cáo gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần thiết phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo; cần phải xử bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Không chấp nhận quan điểm của hai luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp

dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức án thấp dưới khởi điểm của khung hình phạt vì bị cáo không có đủ tình tiết giảm nhẹ theo quy định.

[6] Về dân sự: Đại diện gia đình bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 08 (tám) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2023.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 Công an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã T, K;
- Bị cáo; đại diện bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Trại giam TP Hải Phòng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

